

Phụ lục 4a. Mẫu Phiếu đánh giá tiêu chí đối với các chương trình đào tạo
(Theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT, Thông tư số 02/2020/TT-BGDĐT,
Thông tư số 39/2020/TT-BGDĐT)

PHIẾU ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ (TĐG)

Nhóm công tác: Nhóm 3

Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Tiêu chí 6.2. Tỷ lệ GV/ NH đáp ứng theo quy định, việc quy đổi khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được hướng dẫn chi tiết. Khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Tỷ lệ GV/SV của CTĐT đáp ứng yêu cầu theo quy định hiện hành. Tổng số GV của Khoa là 44 người, gồm 04 TS (chiếm tỷ lệ 9,1 % so với tổng số GV của Khoa), 40 ThS (90,9 %), 0 cử nhân (0 %). Hiện Khoa Kinh tế có 02 GV đang theo học NCS ở trong nước. Tính đến thời điểm này, tỷ lệ GV/SV chính quy ngành QTKD được quy đổi là 30 sinh viên/giảng viên, đảm bảo với tỷ lệ quy định của Bộ GD&ĐT [H6.06.02.01]. SV được đảm bảo khả năng tương tác, học tập kiến thức khoa học và thực tiễn từ GV, đảm bảo chất lượng đào tạo theo mục tiêu của Khoa theo tỉ lệ bảng 6.2.1.

Bảng 6.2.1. Tỷ lệ SV trên 1 GV qua từng năm học

Năm học	Tổng số GV ngành	Quy mô SV	Tỷ lệ SV/GV
2018 - 2019	34	623	18
2019 - 2020	33	752	22
2020 - 2021	32	784	24
2021 - 2022	40	762	19
2022 - 2023	44	702	16

(1) Năm học 2015-2017, tỷ lệ GV/SV được đảm bảo theo quy định tại Thông tư 32/2015/TT-BGDĐT. (2) Đến năm học 2018-2019, tỷ lệ GV/SV được đảm bảo theo quy định tại Thông tư 06/2018/TT-BGDĐT.

Bảng 6.2.2 Thống kê số lượng GV Khoa theo trình độ trong 5 năm gần đây

Năm học	Số lượng GV	Giới tính		Độ tuổi		
		Nam	Nữ	< 35	35-45	>45
2018 – 2019	34	9	25	18	10	6
2019 – 2020	33	8	25	16	10	7
2020 – 2021	32	8	24	14	11	7
2021 – 2022	40	10	30	16	18	6

2022 – 2023	44	11	33	15	20	9
-------------	----	----	----	----	----	---

Tiêu chuẩn của GV đáp ứng theo quy định của Bộ GD&ĐT và tình hình thực tế của nhà trường [H6.06.02.02]. Đội ngũ cơ hữu, Khoa Kinh tế còn có hơn 15 GV thỉnh giảng đến từ cơ quan, tổ chức hành nghề, các DN, GV từ các trường ĐH có uy tín... tham gia giảng dạy, hướng dẫn thực hành, đánh giá kết quả học tập của SV theo đề án liên kết gắn kết đào tạo giữa ĐHĐN với doanh nghiệp [H6.06.02.03], [H6.06.02.04].

Việc quy đổi khối lượng công việc của đội ngũ GV theo giờ chuẩn được hướng dẫn chi tiết và được triển khai thực hiện. Trường ban hành văn bản quy định chi tiết về khối lượng công việc của đội ngũ GV, bao gồm: các hoạt động giảng dạy, NCKH và công tác khác như phụ trách cố vấn học tập, coi thi, chấm bài, tuyển sinh,... Các phòng ban liên quan chịu trách nhiệm triển khai thực hiện việc quy đổi khối lượng công việc của đội ngũ GV trong phạm vi toàn trường [H6.06.02.05].

Trường có quy định về khối lượng công việc tối thiểu của đội ngũ GV. Qua đó, GV có nghĩa vụ thực hiện giờ giảng dạy, NCKH và công tác khác theo định mức cụ thể mỗi năm: Giảng dạy: 270 giờ; NCKH: 200 giờ; Công tác khác (cố vấn học tập, coi thi kết thúc học phần, tham gia hoạt động tuyển sinh...): 117 giờ.

Khoa đã tham gia vào các hoạt động cộng đồng khác như: tư vấn tuyển sinh, các hoạt động giao lưu, hỗ trợ cho cộng đồng: ngày hội việc làm cho sinh viên, ngày hội sách, trao quà cho các gia đình khó khăn ở một số phường trên địa bàn Tp. Biên Hòa Xuân ấm tình người [H6.06.02.06].

Khối lượng công việc đối với đội ngũ GV, NCV được giám sát để cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Kết thúc mỗi học kỳ, Khoa tiến hành họp để tổng kết khối lượng giảng dạy, NCKH trên cơ sở đối chiếu với kết quả thống kê khối lượng giảng dạy của Phòng Đào tạo và xác nhận từ giảng viên [H6.06.02.07]. Qua đó, xác định được tỷ lệ vượt giờ của GV và có kế hoạch phân công khối lượng giảng dạy, nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và công tác khác (coi thi, cố vấn học tập, hướng dẫn thực tập, hướng dẫn khóa luận,...) công việc cụ thể cho GV ở học kỳ tiếp theo [H6.06.02.08].

Việc đánh giá GV được thực hiện định kỳ hàng tháng qua thông qua bảng tự đánh giá kết quả xếp loại chất lượng công việc dựa trên bản mô tả công việc của GV [H6.06.02.09], [H6.06.02.10]. Sau khi GV tự đánh giá thì Trưởng Khoa sẽ đánh giá lại, xác nhận vào Phiếu đánh giá xếp loại kết quả lao động. Kết quả đánh giá được chuyển về Phòng Tổ chức hành chính-Quản trị thiết bị để xếp loại thi đua khen thưởng cho GV. Cuối mỗi năm học, Hội đồng thi đua khen thưởng cấp trường đánh giá, bình xét kết quả thi đua cho các cá nhân và tập thể hoàn thành tốt nhiệm vụ mục tiêu của năm [H6.06.02.11].

2. Điểm mạnh

Khối lượng công việc của đội ngũ GV được đo lường, giám sát cụ thể làm căn cứ để có kế hoạch phân công, giám sát và kiểm tra chuyên môn định kỳ nhằm cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Việc đánh giá GV có tiêu chí rõ ràng, cụ thể tạo điều kiện để GV có những điều chỉnh phù hợp và tạo được động lực phát triển cho GV.

3. Điểm tồn tại

Việc đo lường các nhiệm vụ PVCĐ chưa có những tiêu chí cụ thể.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Phát huy điểm mạnh	Nhà trường tiếp tục đẩy mạnh hoạt động KHCN và phục vụ cộng đồng hướng theo chiến lược phát triển của Nhà trường giai đoạn đến 2030.	Khoa Kinh tế; ĐH ĐN	Năm 2023 - 2024
2	Khắc phục điểm tồn tại	Từ năm 2022 - 2023, Khoa tiến hành xây dựng các tiêu chí đánh giá mang tính định lượng trong việc thực hiện các nhiệm vụ PVCĐ và nhiệm vụ chuyên môn khác của GV.	Khoa Kinh tế; ĐH ĐN	Năm 2022 - 2023

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí:

Đánh dấu (x) vào một trong các ô dưới đây:

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
				x		

Xác nhận
của trưởng nhóm công tác
(Ký, ghi rõ họ và tên)

Nguyễn Thị Hoài Ân

Đồng Nai, ngày tháng năm 20...

Người viết
(Ký, ghi rõ họ và tên)

Nguyễn Thị Hoài Ân